

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 264-V01/TPP-CTY/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 38609003 Fax : (028) 38607622
E-mail: info@tanphuvietnam.vn Mã số doanh nghiệp: 0303640880
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:Ngày Cấp/ Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **QUÁNH CHỐNG DÍNH KURO**
- Thành phần: Nhôm phủ 2 lớp chống dính bên trong, 1 lớp chống dính bên ngoài, Thủy tinh, Inox 304, Inox 201
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng đến khi sản phẩm bị hư hỏng, móp méo. Không sử dụng sản phẩm khi lớp chống dính bong tróc
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: quy cách đóng gói 6 cái/ thùng carton
Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
 - Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Sản xuất tại: YKS CORP.
Địa chỉ: YONGKANG, ZHEJIANG, CHINA (Trung Quốc)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- QCVN 12-3: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
 - QCVN 12-4:2015/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

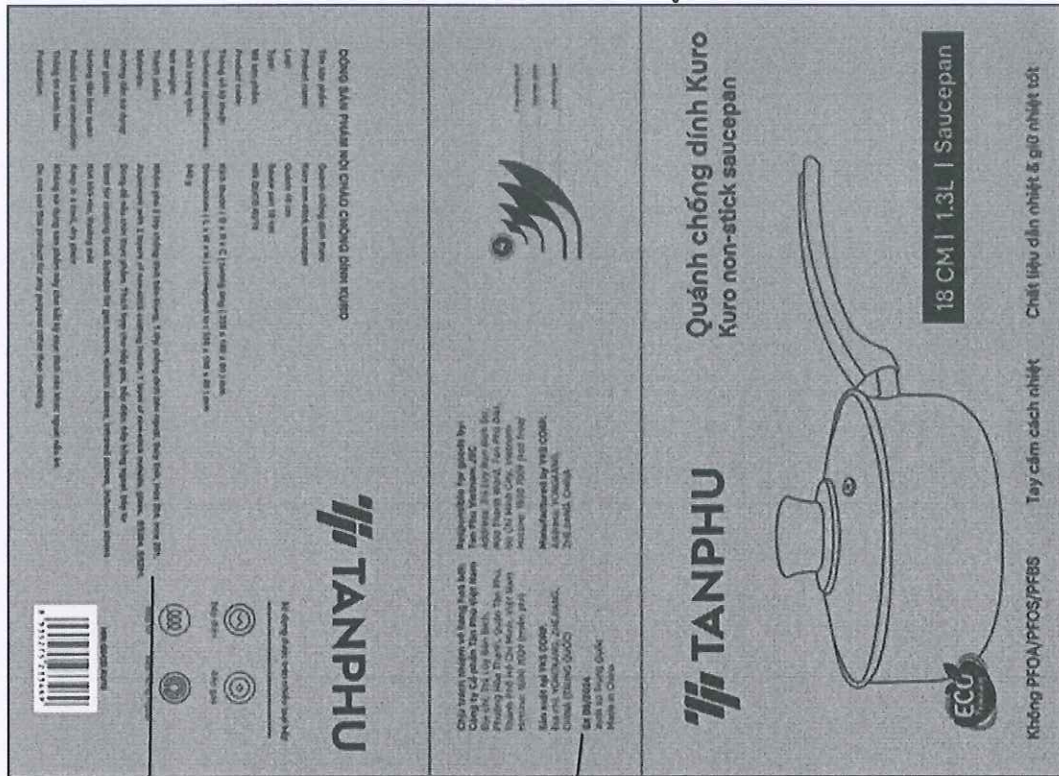
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Ngô Đức Trung
Phó Tổng giám đốc

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
 Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích,
 Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú,
 Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Responsible for goods by:
Tan Phu Vietnam JSC
 Address: 314 Luy Ban Bich Str,
 Hoa Thanh Ward, Tan Phu Dist,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
 Hotline: 1800 7009 (toll free)

Sản xuất tại YKS CORP.
 Địa chỉ: YONGKANG, ZHEJIANG,
 CHINA (TRUNG QUỐC)

Manufactured by YKS CORP.
 Address: YONGKANG,
 ZHEJIANG, CHINA

SX 08/2024
 Xuất xứ Trung Quốc
 Made in China

DÒNG SẢN PHẨM NỒI CHÁO CHỐNG DÍNH KURO

Tên sản phẩm: Quánh chống dính Kuro
Product name: Kuro non-stick saucepan
Loại: Quánh 18 cm
Type: Sauce pan 18 cm
Mã sản phẩm: HIN.QUCD.KU18
Product code:
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (335 x 180 x 80) mm
Technical specifications: Dimensions (L x W x H) correspond to (335 x 180 x 80) mm
Khối lượng tịnh: 840 g
Net weight:
Thành phần: Nhôm phủ 2 lớp chống dính bên trong, 1 lớp chống dính bên ngoài, thủy tinh, Inox 304, Inox 201.
Materials: Aluminum with 2 layers of non-stick coating inside, 1 layer of non-stick outside, glass, SS304, SS201.
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để nấu chín thực phẩm. Thích hợp cho bếp gas, bếp điện, bếp hồng ngoại, bếp từ
User guide: Used for cooking food. Suitable for gas stoves, electric stoves, infrared stoves, induction stoves
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát
Product care instruction: Keep in a cool, dry place
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm này cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài nấu ăn.
Precaution: Do not use this product for any purpose other than cooking.

Sử dụng được trên nhiều loại bếp

Bếp điện

Bếp gas

Bếp từ

Bếp hồng ngoại

HIN.QUCD.KU18

8 935275 233469

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

TANPHU

Tên sản phẩm: Quánh chống dính Kuro

• Mã sản phẩm: HIN.QUCD.KU18 • Loại: Quánh 18cm • Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (335 x 180 x 80) mm • Khối lượng tịnh: 840 g • Thành phần: Nhôm phủ 2 lớp chống dính bên trong, 1 lớp chống dính bên ngoài, thủy tinh, inox 304, inox 201 • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để nấu chín thực phẩm. Thích hợp cho bếp gas, bếp điện, bếp hồng ngoại, bếp từ • Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát

• Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm này cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài nấu ăn.

Product name: Kuro non-stick saucepan

• **Materials:** Aluminum with 2 layers of non-stick coating inside, 1 layer of non-stick outside, glass, SS304, SS201
• **User guide:** Used for cooking food. Suitable for gas stoves, electric stoves, infrared stoves, induction stoves
• **Product care instruction:** Keep in a cool, dry place
• **Precaution:** Do not use this product for any purpose other than cooking

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi: **Responsible for goods by:**

Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích,

Phường Hòa Thạnh,

Quận Tân Phú, Thành Phố

Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Sản xuất tại: YKS CORP.

Địa chỉ: YONGKANG,

ZHEJIANG, CHINA

(Trung Quốc)

Xuất xứ Trung Quốc

Made in China

SX 08/2024

Tan Phu Vietnam JSC

Address: 314 Luy Ban Bich

Str, Hoa Thanh Ward, Tan

Phu Dist, Ho Chi Minh City,

Vietnam

Hotline: 1800 7009

(toll free)



8 935275 233469



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú
TP.HCM, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : N6IK2410290581-BL

Mã số mẫu : 743-2024-00161249

Tên mẫu :

QUÁNH CHỐNG DÍNH KURO

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

30/10/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 02/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

30/10/2024 - 04/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhôm)				
1	VD771 VD (a) Arsenic (As) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)
2	VD772 VD (a) Arsenic (As) (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)
3	VD775 VD (a) Cadimi (Cd) (Nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)
4	VD774 VD (a) Cadimi (Cd) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)
5	VD778 VD (a) Chì (Pb) (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0015)
6	VD777 VD (a) Chì (Pb) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0015)
7	VD0FP VD Phenol (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD779 VD (a) Formaldehyd (nước, 95°C, 30 phút)		QCVN 12-3:2011/BYT	Âm tính
9	VD782 VD (a) Cặn khô (heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
10	VD783 VD (a) Cặn khô (ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
11	VD0FQ VD (a) Cặn khô (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
12	VD0FR VD (a) Cặn khô (acid acetic 4%, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)
13	VD742 VD (a) Epichlorohydrin (Pentane, 25°C, 2 giờ)	µg/ ml	EVN-R-RD-1-TP-27178 (Ref QCVN 12-3:2011/BYT)	Không phát hiện (LOD=0.2)
14	VD747 VD Vinyl chlorid (Ethanol 20%, 5°C, 24 giờ)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.01)
Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox 304, Inox 201)				
15	VD832 VD (a) Arsenic (As) (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)
16	VD770 VD (a) Arsenic (As) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)
17	VD832 VD (a) Cadimi (Cd) (Nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)
18	VD832 VD (a) Cadimi (Cd) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox 304, Inox 201)				
19	VD832 VD (a) Chì (Pb) (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0015)
20	VD832 VD (a) Chì (Pb) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0015)
Thành phần bằng thủy tinh tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm				
21	VD0FS VD (a) Cadimi(Cd) (Acid acetic 4%, 22 ±2°C, 24 giờ)	mg/ dm ²	QCVN 12-4:2015/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.00008)
22	VD0FT VD (a) Chì (Pb) (Acid acetic 4%, 22 ±2°C, 24 giờ)	mg/ dm ²	QCVN 12-4:2015/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.00017)

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phần "Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhôm)" phù hợp với quy định của QCVN 12-3:2011/BYT Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phần "Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox 304, Inox 201)" phù hợp với quy định của QCVN 12-3:2011/BYT Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phần "Thành phần bằng thủy tinh tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm" phù hợp với quy định của QCVN 12-4:2015/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



 Nguyễn Anh Vũ
 Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



 Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 04/11/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 04/11/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.